



LUẬT DOANH NGHIỆP NĂM 2005

(Có hiệu lực từ ngày 01/07/2006)



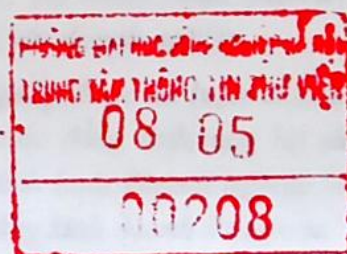
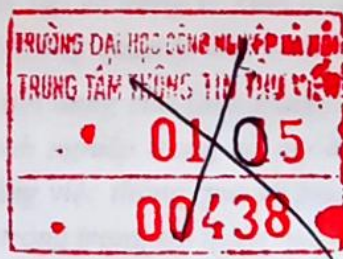
NHÀ XUẤT BẢN THỐNG KÊ

Nguyễn

LUẬT

DOANH NGHIỆP NĂM 2005

(CÓ HIỆU LỰC TỪ NGÀY 1/7/2006)



NHÀ XUẤT BẢN THỐNG KÊ

LỜI NÓI ĐẦU

Luật Doanh nghiệp năm 2005 đã được Quốc hội khóa XI, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005 và sẽ có hiệu lực kể từ ngày 1 tháng 7 năm 2006; đồng thời, sẽ thay thế Luật Doanh nghiệp 1999, Luật Doanh nghiệp nhà nước 2003 và Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam năm 1996 trong việc tổ chức quản lý doanh nghiệp.

Việc xây dựng và ban hành Luật Doanh nghiệp là nhằm khắc phục những khuyết điểm của hệ thống pháp luật hiện hành về tổ chức quản lý và hoạt động về doanh nghiệp, đồng thời là thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng và một số nghị quyết của Hội nghị Ban chấp hành Trung ương chủ trương xây dựng luật thống nhất về doanh nghiệp, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, bình đẳng và phù hợp với kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và quá trình chủ động hội nhập kinh tế quốc tế.

Luật Doanh nghiệp được ban hành bao gồm 10 chương với 172 điều. So với Luật Doanh nghiệp năm 1999, Luật Doanh nghiệp có những nội dung đổi mới cơ bản (1) mở rộng phạm vi và đối tượng áp dụng, (2) đơn giản và rõ ràng hơn trong thành lập và đăng ký kinh doanh, (3) Hoàn thiện quản trị doanh nghiệp, (4) tăng cường quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp.

Nhìn tổng quát, nội dung của Luật Doanh nghiệp được dư luận xã hội, nhất là cộng đồng doanh nghiệp trong và ngoài nước đồng tình, ủng hộ và đánh giá cao và cho rằng việc thông qua và ban hành Luật Doanh nghiệp sẽ tiếp tục góp phần quan trọng trong cải thiện môi trường kinh doanh ở nước ta.

Nhằm đáp ứng nhu cầu tìm hiểu và thực thi các quy định mới nhất về tổ chức quản lý và hoạt động về doanh nghiệp chúng tôi xuất bản cuốn sách "**Luật Doanh nghiệp năm 2005**". Tuy đã cố gắng, nhưng chắc không tránh khỏi thiếu sót vì vậy Nhà xuất bản rất mong nhận được ý kiến độc giả để làm cho nội dung cuốn sách ngày càng hoàn thiện hơn.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

Hà Nội, Tháng 12 năm 2005.

NHÀ XUẤT BẢN THỐNG KÊ

CHỦ TỊCH NƯỚC

Số: 33/2005/L/CTN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Hà nội, ngày 12 tháng 12 năm 2005

LỆNH CỦA CHỦ TỊCH NƯỚC

Về việc công bố Luật

CHỦ TỊCH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Căn cứ vào Điều 103 và Điều 106 của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa việt nam năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 51/2001/QH10 ngày 25 tháng 12 năm 2001 của Quốc hội khoá X, kỳ họp thứ 10;

Căn cứ vào Điều 91 của Luật tổ chức Quốc hội;

Căn cứ vào Điều 50 của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

NAY CÔNG BỐ

LUẬT DOANH NGHIỆP

Đã được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XI, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005.

CHỦ TỊCH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Đã ký: Trần Đức Lương

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	3
LỆNH CỦA CHỦ TỊCH NƯỚC	4
LUẬT DOANH NGHIỆP	5
Chương 1: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	5
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh.	5
Điều 2. Đối tượng áp dụng.	6
Điều 3. Áp dụng Luật doanh nghiệp, điều ước quốc tế và các luật có liên quan.	6
Điều 4. Giải thích từ ngữ	6
Điều 5. Bảo đảm của Nhà nước đối với doanh nghiệp và chủ sở hữu doanh nghiệp.	10
Điều 6. Tổ chức chính trị và tổ chức chính trị - xã hội trong doanh nghiệp.	11
Điều 7. Ngành, nghề và điều kiện kinh doanh.	12
Điều 8. Quyền của doanh nghiệp.	13
Điều 9. Nghĩa vụ của doanh nghiệp.	14
Điều 10. Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp có sản xuất, cung ứng các sản phẩm, dịch vụ công ích.	15
Điều 11. Các hành vi bị cấm.	16
Điều 12. Chế độ lưu giữ tài liệu của doanh nghiệp.	17

**Chương II. THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP
VÀ ĐĂNG KÝ KINH DOANH.** 18

Điều 13. *Quyên thành lập, góp vốn, mua cổ phần và quản lý doanh nghiệp.* 18

Điều 14. *Hợp đồng trước đăng ký kinh doanh.* 19

Điều 15. *Trình tự đăng ký kinh doanh.* 20

Điều 16. *Hồ sơ đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp tư nhân.* 21

Điều 17. *Hồ sơ đăng ký kinh doanh của công ty hợp danh.* 21

Điều 18. *Hồ sơ đăng ký kinh doanh của công ty trách nhiệm hữu hạn.* 22

Điều 19. *Hồ sơ đăng ký kinh doanh của công ty cổ phần.* 23

Điều 20. *Hồ sơ, trình tự thủ tục, điều kiện và nội dung đăng ký kinh doanh, đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài lần đầu tiên đầu tư vào Việt Nam.* 24

Điều 21. *Nội dung giấy đề nghị đăng ký kinh doanh.* 24

Điều 22. *Nội dung Điều lệ công ty.* 25

Điều 23. *Danh sách thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh, danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần.* 27

Điều 24. *Điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.* 28

Điều 25. Nội dung Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.	28
Điều 26. Thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh.	29
Điều 27. Cung cấp thông tin về nội dung đăng ký kinh doanh.	30
Điều 28. Công bố nội dung đăng ký kinh doanh.	31
Điều 29. Chuyển quyền sở hữu tài sản.	32
Điều 30. Định giá tài sản góp vốn.	33
Điều 31. Tên doanh nghiệp.	34
Điều 32. Những điều cấm trong đặt tên doanh nghiệp.	34
Điều 33. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài và tên viết tắt của doanh nghiệp.	35
Điều 34. Tên trùng và tên gây nhầm lẫn.	35
Điều 36. Con dấu của doanh nghiệp.	37
Điều 37. Văn phòng đại diện, chi nhánh và địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp.	37
Chương III. CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN	38
Mục I. CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN	38
Điều 38. Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.	39

Điều 39. Thực hiện góp vốn và cấp giấy chứng nhận phần vốn góp.	39
Điều 40. Sổ đăng ký thành viên.	41
Điều 41. Quyền của thành viên.	42
Điều 42. Nghĩa vụ của thành viên.	43
Điều 43. Mua lại phần vốn góp.	44
Điều 44. Chuyển nhượng phần vốn góp.	45.
Điều 45. Xử lý phần vốn góp trong các trường hợp khác.	46
Điều 46. Cơ cấu tổ chức quản lý công ty.	47
Điều 47. Hội đồng thành viên.	48
Điều 48. Người đại diện theo uỷ quyền.	49
Điều 49. Chủ tịch Hội đồng thành viên.	51
Điều 50. Triệu tập họp Hội đồng thành viên.	52
Điều 51. Điều kiện và thể thức tiến hành họp Hội đồng thành viên.	56
Điều 52. Quyết định của Hội đồng thành viên.	57
Điều 53. Biên bản họp Hội đồng thành viên.	58
Điều 54. Thủ tục thông qua quyết định của Hội đồng thành viên theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.	59
Điều 55. Giám đốc hoặc Tổng giám đốc.	60
Điều 56. Nghĩa vụ của thành viên Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc.	61

Điều 57. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc. 62

Điều 58. Thù lao, tiền lương và thưởng của thành viên Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc. 63

Điều 59. Hợp đồng, giao dịch phải được Hội đồng thành viên chấp thuận. 63

Điều 60. Tăng, giảm vốn điều lệ. 64

Điều 61. Điều kiện để chia lợi nhuận. 66

Điều 62. Thu hồi phần vốn góp đã hoàn trả hoặc lợi nhuận đã chia. 67

Mục II. CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN 67

Điều 63. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên. 67

Điều 64. Quyền của chủ sở hữu công ty. 68

Điều 65. Nghĩa vụ của chủ sở hữu công ty. 70

Điều 66. Hạn chế đối với quyền của chủ sở hữu công ty. 70

Điều 67. Cơ cấu tổ chức quản lý của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên là tổ chức. 71

Điều 68. Hội đồng thành viên. 72

Điều 69. Chủ tịch công ty. 73

Điều 70. Giám đốc hoặc Tổng giám đốc. 74

Điều 71. Kiểm toán viên. 76

Chịu trách nhiệm xuất bản

CÁT VĂN THÀNH

Biên tập

BAN BIÊN TẬP NXB

Sửa bản in:

HOÀNG NAM

Vẽ Bìa:

ĐỨC KIÊN

In 1000 cuốn, khổ 14,5x20,5 cm tại Công ty In và sản xuất Bao bì Hà Nội. Giấy phép xuất bản số: 308 - 54/XB -QLXB của Cục Xuất bản cấp ngày 17 tháng 1 năm 2005.

In xong và nộp lưu chiểu Quý I năm 2006